BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TỔNG HỢP CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

03 thủ tục về chuẩn đo lường - hồ sơ dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Đo lường (17/11/2026)

SỐ LIỆU NGUỒN VÀ ĐỊNH MỨC TẠM TÍNH

TT	Tên thủ tục sau thay đổi	Số hồ sơ/năm	Chi phí cũ/hồ sơ	Chi phí cũ/năm	Chi phí mới/hồ sơ	Chi phí mới/năm	Tiết kiệm/năm	Giảm (%)	Nguồn trước thay đổi	Ghi chú
1	Tiếp nhận bản công bố chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	100	500,000	50,000,000	150,000	15,000,000	**35,000,000**	70.0%	Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật, khoản đánh giá về quản lý chuẩn đo lường: khoảng 50 triệu đồng/năm với 100 hồ sơ.	Đơn giá và số lượng theo Bản đánh giá của Luật; mức chi phí mới theo giả định do cơ quan chủ trì cung cấp.
2	Tiếp nhận bản công bố chuẩn đo lường điều chỉnh	50	560,000	28,000,000	150,000	7,500,000	**20,500,000**	73.2%	Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật, khoản đánh giá về quản lý chuẩn đo lường: khoảng 28 triệu đồng/năm với 50 hồ sơ.	Đơn giá và số lượng theo Bản đánh giá của Luật; mức chi phí mới theo giả định do cơ quan chủ trì cung cấp.
3	Tiếp nhận thông báo hủy bỏ bản công bố chuẩn đo lường	20	200,000	4,000,000	80,000	1,600,000	**2,400,000**	60.0%	Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật, khoản đánh giá về quản lý chuẩn đo lường: khoảng 4 triệu đồng/năm với 20 hồ sơ.	Đơn giá và số lượng theo Bản đánh giá của Luật; mức chi phí mới theo giả định do cơ quan chủ trì cung cấp.
	TỔNG CỘNG	**170**		**82,000,000**		**24,100,000**	**57,900,000**	**70.6%**		

NGUỒN VÀ PHƯƠNG PHÁP

Cơ sở cũ: Bản đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong hồ sơ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường (bản ngày 16/5/2026): khoảng 50 triệu đồng/100 hồ sơ chứng nhận chuẩn lần đầu; 28 triệu đồng/50 hồ sơ điều chỉnh; 4 triệu đồng/20 hồ sơ hủy bỏ.

Cơ sở mới: giả định do cơ quan chủ trì soạn thảo cung cấp: 150.000 đồng/hồ sơ công bố lần đầu; 150.000 đồng/hồ sơ điều chỉnh; 80.000 đồng/hồ sơ hủy bỏ. Cơ cấu thời gian và khoản chi theo công đoạn được phân bổ ước tính để lập Biểu 04/ĐGTĐ-SCM; không phải số liệu khảo sát chi tiết.

Mức thu nhập theo giờ 53.784 đồng được giữ từ Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM của hồ sơ Thông tư tháng 12/2025 để thống nhất phương pháp phân rã chi phí; không phải khẳng định mức thu nhập thực tế năm 2026.

Chi phí trong biểu chỉ tính việc chuẩn bị, gửi và xử lý thông tin hành chính của tổ chức; không bao gồm chi phí hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh và duy trì năng lực kỹ thuật vốn vẫn phải thực hiện.

Các số liệu là ước tính phục vụ hồ sơ lấy ý kiến; các khoản tổng cộng và tỷ lệ giảm được tính từ 03 thủ tục, không gồm các thủ tục công bố năng lực hoặc chỉ định tổ chức.

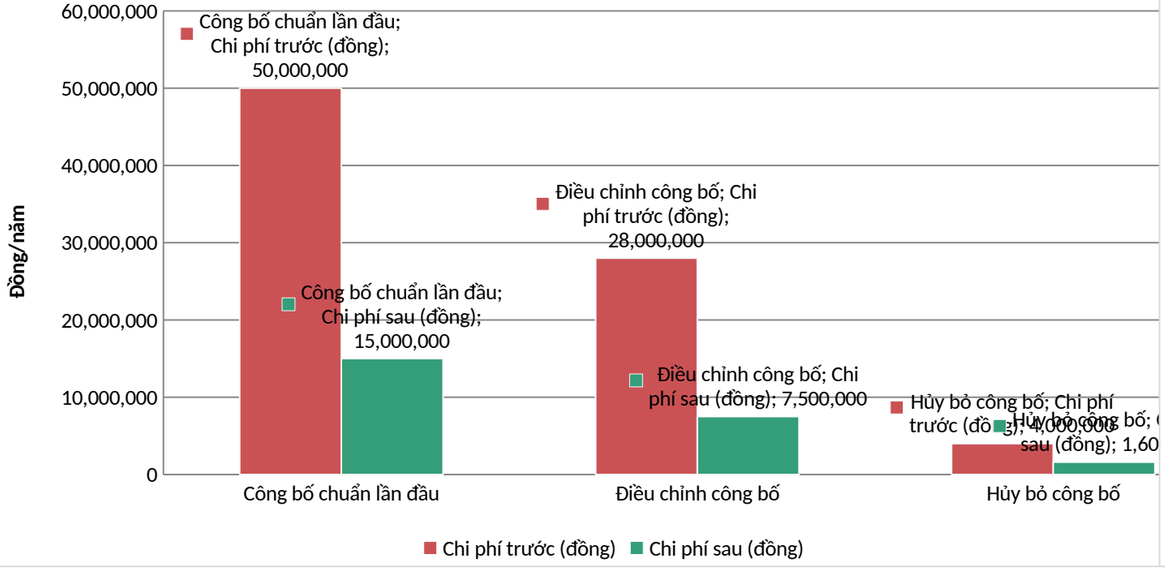
BIỂU ĐỒ SO SÁNH CHI PHÍ TUÂN THỦ - 03 THỦ TỤC CHUẨN ĐO LƯỜNG

Số liệu ước tính năm; đơn vị đồng/năm. Biểu đồ liên kết với các bảng TTHC gốc.

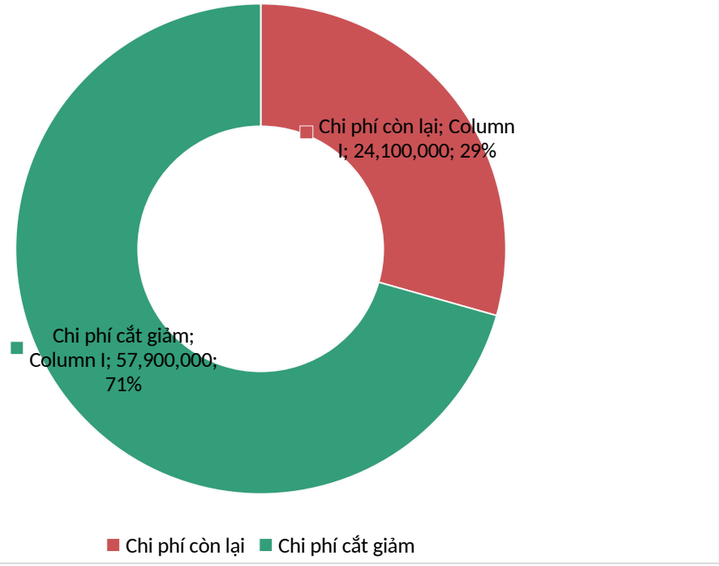
Thủ tục	Chi phí trước (đồng)	Chi phí sau (đồng)	Chi phí cắt giảm (đồng)	Tỷ lệ giảm
Công bố chuẩn lần đầu	50,000,000	15,000,000	35,000,000	70.0%
Điều chỉnh công bố	28,000,000	7,500,000	20,500,000	73.2%
Hủy bỏ công bố	4,000,000	1,600,000	2,400,000	60.0%
TỔNG CỘNG	**82,000,000**	**24,100,000**	**57,900,000**	**70.6%**

Chi phí còn lại	24,100,000
Chi phí cắt giảm	57,900,000

So sánh chi phí trước và sau thay đổi



Cơ cấu tổng chi phí



Chi phí trước thay đổi lấy theo Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật; chi phí theo cơ chế công bố là số liệu ước tính để đánh giá tác động.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC 1: TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ CHUẨN ĐO LƯỜNG DÙNG TRỰC TIẾP ĐỂ KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO NHÓM 2

Số hồ sơ	100	TNBQ/giờ	53,784	CP cũ/hồ	500,000	CP mới/hồ sơ	150,000

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC THEO CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN (SỐ LIỆU HỒ SƠ LUẬT)

TT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động / cách thức thực hiện	Thời gian (giờ)	Thu nhập/giờ (đồng)	Chi phí khác (đồng)	Số lần/hồ sơ	Hồ sơ/năm	Chi phí/lần (đồng)	Tổng chi phí/năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị đơn đề nghị chứng nhận	Điền nội dung theo mẫu	10	53,784	2,000	1	100	539,840	53,984,000	
2	Chuẩn bị giấy chứng nhận hiệu chuẩn/kết quả thử nghiệm, so sánh	Sao, số hóa và đối chiếu chứng từ	10	53,784	50,000	1	100	587,840	58,784,000	
3	Chuẩn bị ảnh chuẩn đo lường	Chụp ảnh và lập tài liệu ảnh	10	53,784	100,000	1	100	637,840	63,784,000	
4	Nộp hồ sơ	Bình quân các hình thức nộp	1.2	53,784	1,891	1	100	66,432	6,643,200	
5	Nhận kết quả	Bình quân các hình thức nhận	1.2	53,784	(1,396,493)	1	100	(1,331,952)	(133,195,200)	

TỔNG CHI PHÍ HIỆN TẠI **50,000,000**

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC SAU KHI CHUYỂN SANG CƠ CHẾ CÔNG BỐ

TT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động / cách thức thực hiện	Thời gian (giờ)	Thu nhập/giờ (đồng)	Chi phí khác (đồng)	Số lần/hồ sơ	Hồ sơ/năm	Chi phí/lần (đồng)	Tổng chi phí/năm (đồng)	Ghi chú
1	Lập bản công bố chuẩn đo lường	Điền thông tin và ký bản công bố	10	53,784	1,216	1	100	539,056	53,905,600	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.
2	Rà soát thông tin công bố	Đối chiếu dữ liệu, chuẩn bị thông tin công khai	1	53,784	1,216	1	100	55,000	5,500,000	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.
3	Gửi bản công bố	Nộp theo hình thức quy định	0.5	53,784	(470,948)	1	100	(444,056)	(44,405,600)	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.

TỔNG CHI PHÍ SAU THAY ĐỔI **15,000,000**

III. SO SÁNH CHI PHÍ VÀ MỨC GIẢM DỰ KIẾN

Chi phí theo cơ chế chứng nhận	**50,000,000**
Chi phí theo cơ chế công bố	**15,000,000**
Chi phí cắt giảm	**35,000,000**
Tỷ lệ chi phí cắt giảm	**70.0%**

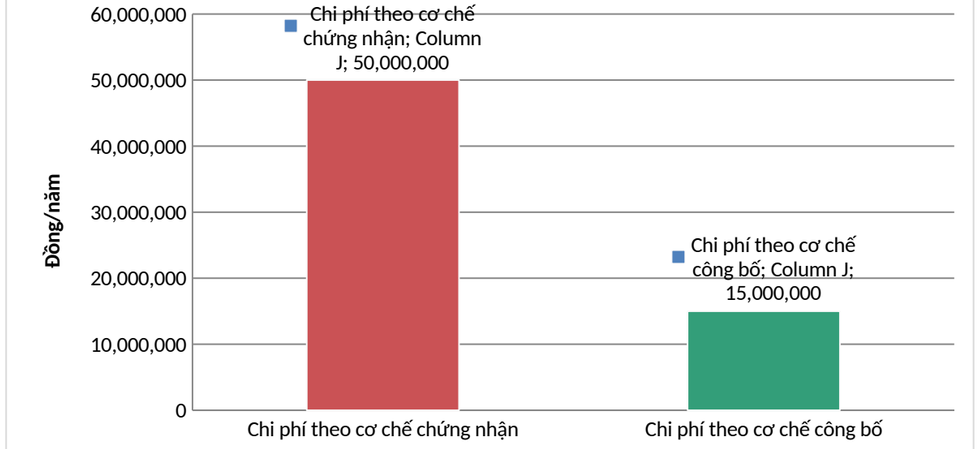
Ghi chú về cơ sở tính: Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật, khoản đánh giá về quản lý chuẩn đo lường: khoảng 50 triệu đồng/năm với 100 hồ sơ.

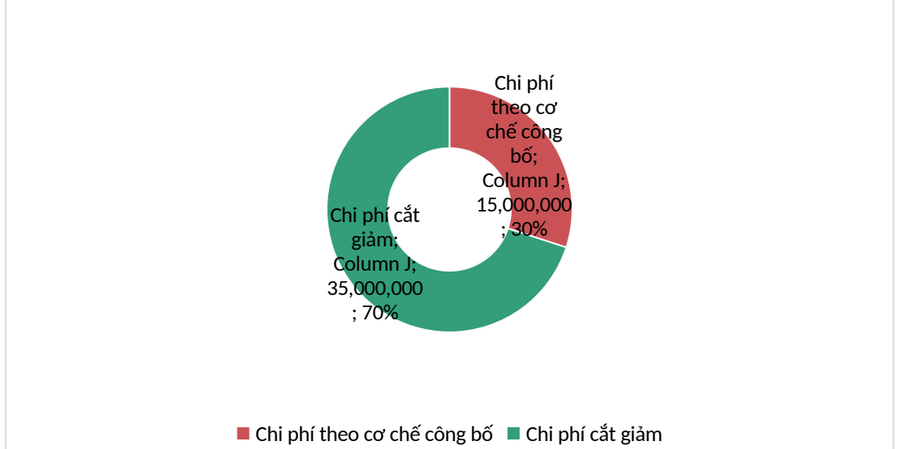
Chi tiết phân bố các công đoạn là ước tính phục vụ tính toán theo mẫu; không phải kết quả khảo sát riêng từng hoạt động. Tổng chi phí từng thủ tục lấy đúng số liệu tại hồ sơ Luật.

Chi phí bảo đảm năng lực kỹ thuật (hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo quản, sử dụng chuẩn) tiếp tục được duy trì và không được tính vào phần tiết kiệm TTHC.

IV. BIỂU ĐỒ CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC

Đơn vị tính: đồng/năm; dữ liệu liên kết trực tiếp với bảng chi phí tại phần III.





Nguồn: Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật (chi phí trước thay đổi); số liệu giả định của cơ quan chủ trì soạn thảo (chi phí sau thay đổi).

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM**

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC 2: TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ CHUẨN ĐO LƯỜNG ĐIỀU CHỈNH

Số hồ sơ 50 **TNBQ/giờ** 53,784 **CP cũ/hồ sơ** 560,000 **CP mới/hồ sơ** 150,000

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC THEO CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN (SỐ LIỆU HỒ SƠ LUẬT)

TT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động / cách thức thực hiện	Thời gian (giờ)	Thu nhập/giờ (đồng)	Chi phí khác (đồng)	Số lần/hồ sơ	Hồ sơ/năm	Chi phí/lần (đồng)	Tổng chi phí/năm (đồng)	Ghi chú
1	Lập công văn đề nghị điều chỉnh	Soạn thảo và ký văn bản	1	53,784	2,000	1	50	55,784	2,789,200	Phân bổ ước tính từ định mức tổng tại Bản đánh giá Luật.
2	Chuẩn bị chứng từ kỹ thuật liên quan	Sao, số hóa và đối chiếu chứng từ	2	53,784	50,000	1	50	157,568	7,878,400	Phân bổ ước tính từ định mức tổng tại Bản đánh giá Luật.
3	Chuẩn bị ảnh chuẩn đo lường	Chụp ảnh và lập tài liệu ảnh	1	53,784	100,000	1	50	153,784	7,689,200	Phân bổ ước tính từ định mức tổng tại Bản đánh giá Luật.
4	Chuẩn bị giấy tờ liên quan nội dung điều chỉnh	Sao, số hóa và đối chiếu	1	53,784	5,000	1	50	58,784	2,939,200	Phân bổ ước tính từ định mức tổng tại Bản đánh giá Luật.
5	Nộp hồ sơ	Bình quân các hình thức nộp	1.2	53,784	2,499	1	50	67,040	3,352,000	Phân bổ ước tính từ định mức tổng tại Bản đánh giá Luật.
6	Nhận kết quả	Bình quân các hình thức nhận	1.2	53,784	2,499	1	50	67,040	3,352,000	Phân bổ ước tính từ định mức tổng tại Bản đánh giá Luật.

TỔNG CHI PHÍ HIỆN TẠI **28,000,000**

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC SAU KHI CHUYỂN SANG CƠ CHẾ CÔNG BỐ

TT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động / cách thức thực hiện	Thời gian (giờ)	Thu nhập/giờ (đồng)	Chi phí khác (đồng)	Số lần/hồ sơ	Hồ sơ/năm	Chi phí/lần (đồng)	Tổng chi phí/năm (đồng)	Ghi chú
1	Lập bản công bố chuẩn điều chỉnh	Điền thông tin thay đổi	1	53,784	1,216	1	50	55,000	2,750,000	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.
2	Rà soát nội dung điều chỉnh	Đối chiếu phần thông tin thay đổi	1	53,784	1,216	1	50	55,000	2,750,000	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.
3	Gửi bản công bố điều chỉnh	Nộp theo hình thức quy định	0.5	53,784	13,108	1	50	40,000	2,000,000	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.

TỔNG CHI PHÍ SAU THAY ĐỔI	**7,500,000**

III. SO SÁNH CHI PHÍ VÀ MỨC GIẢM DỰ KIẾN

Chi phí theo cơ chế chứng nhận	**28,000,000**
Chi phí theo cơ chế công bố	**7,500,000**
Chi phí cắt giảm	**20,500,000**
Tỷ lệ chi phí cắt giảm	**73.2%**

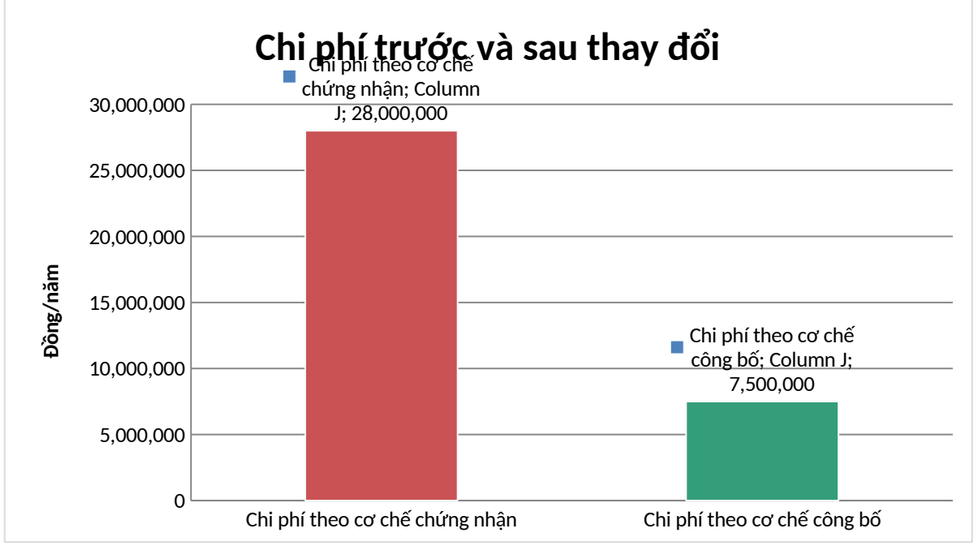
Ghi chú về cơ sở tính: Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật, khoản đánh giá về quản lý chuẩn đo lường: khoảng 28 triệu đồng/năm với 50 hồ sơ.

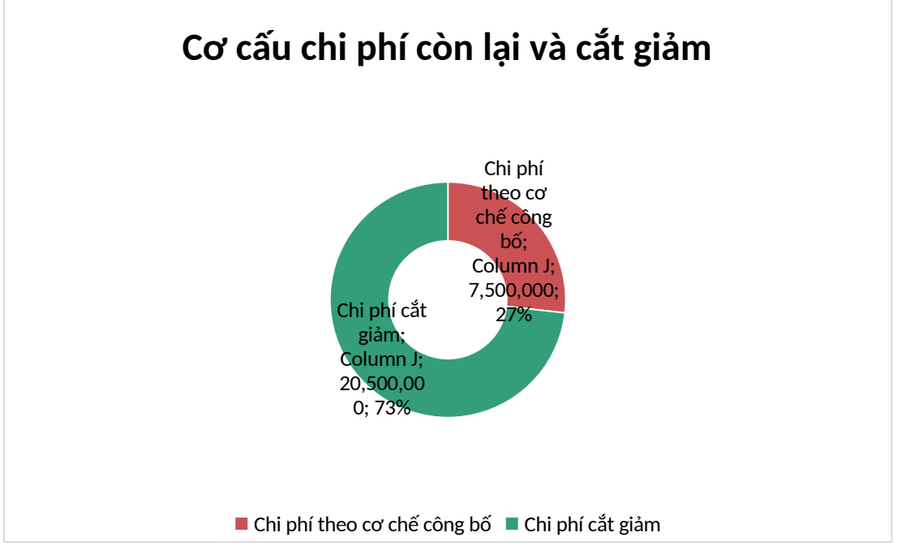
Chi tiết phân bổ các công đoạn là ước tính phục vụ tính toán theo mẫu; không phải kết quả khảo sát riêng từng hoạt động. Tổng chi phí từng thủ tục lấy đúng số liệu tại hồ sơ Luật.

Chi phí bảo đảm năng lực kỹ thuật (hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo quản, sử dụng chuẩn) tiếp tục được duy trì và không được tính vào phần tiết kiệm TTHC.

IV. BIỂU ĐỒ CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC

Đơn vị tính: đồng/năm; dữ liệu liên kết trực tiếp với bảng chi phí tại phần III.





Nguồn: Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật (chi phí trước thay đổi); số liệu giả định của cơ quan chủ trì soạn thảo (chi phí sau thay đổi).

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ **BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM**

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC 3: TIẾP NHẬN THÔNG BÁO HỦY BỎ BẢN CÔNG BỐ CHUẨN ĐO LƯỜNG

Số hồ sơ	**20**	**TNBQ/giờ**	**53,784**	**CP cũ/hồ sơ**	**200,000**	**CP mới/hồ sơ**	**80,000**

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC THEO CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN (SỐ LIỆU HỒ SƠ LUẬT)

TT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động / cách thức thực hiện	Thời gian (giờ)	Thu nhập/giờ (đồng)	Chi phí khác (đồng)	Số lần/hồ sơ	Hồ sơ/năm	Chi phí/lần (đồng)	Tổng chi phí/năm (đồng)	Ghi chú
1	Lập văn bản đề nghị hủy bỏ	Soạn thảo và ký văn bản	0.75	53,784	9,662	1	20	50,000	1,000,000	
2	Rà soát danh mục chuẩn cần hủy bỏ	Đối chiếu thông tin và phạm vi	1	53,784	6,216	1	20	60,000	1,200,000	
3	Nộp hồ sơ	Gửi đến cơ quan có thẩm quyền	0.75	53,784	4,662	1	20	45,000	900,000	
4	Nhận kết quả	Tiếp nhận và lưu thông tin	0.75	53,784	4,662	1	20	45,000	900,000	

TỔNG CHI PHÍ HIỆN TẠI **4,000,000**

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC SAU KHI CHUYỂN SANG CƠ CHẾ CÔNG BỐ

TT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Hoạt động / cách thức thực hiện	Thời gian (giờ)	Thu nhập/giờ (đồng)	Chi phí khác (đồng)	Số lần/hồ sơ	Hồ sơ/năm	Chi phí/lần (đồng)	Tổng chi phí/năm (đồng)	Ghi chú
1	Soạn thông báo tự hủy bỏ	Lập nội dung thông báo	0.5	53,784	3,108	1	20	30,000	600,000	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.
2	Cập nhật trạng thái bản công bố	Rà soát danh mục, thông tin công khai	0.5	53,784	3,108	1	20	30,000	600,000	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.
3	Gửi thông báo hủy bỏ	Gửi đến cơ quan tiếp nhận	0.25	53,784	6,554	1	20	20,000	400,000	Phân bổ ước tính từ định mức chi phí mới.

TỔNG CHI PHÍ SAU THAY ĐỔI **1,600,000**

III. SO SÁNH CHI PHÍ VÀ MỨC GIẢM DỰ KIẾN

Chi phí theo cơ chế chứng nhận	**4,000,000**
Chi phí theo cơ chế công bố	**1,600,000**
Chi phí cắt giảm	**2,400,000**
Tỷ lệ chi phí cắt giảm	**60.0%**

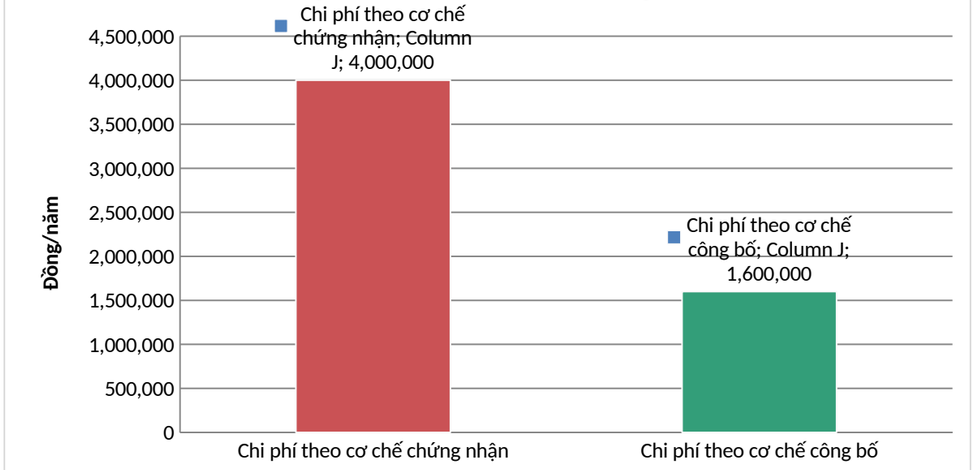
Ghi chú về cơ sở tính: Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật, khoản đánh giá về quản lý chuẩn đo lường: khoảng 4 triệu đồng/năm với 20 hồ sơ.

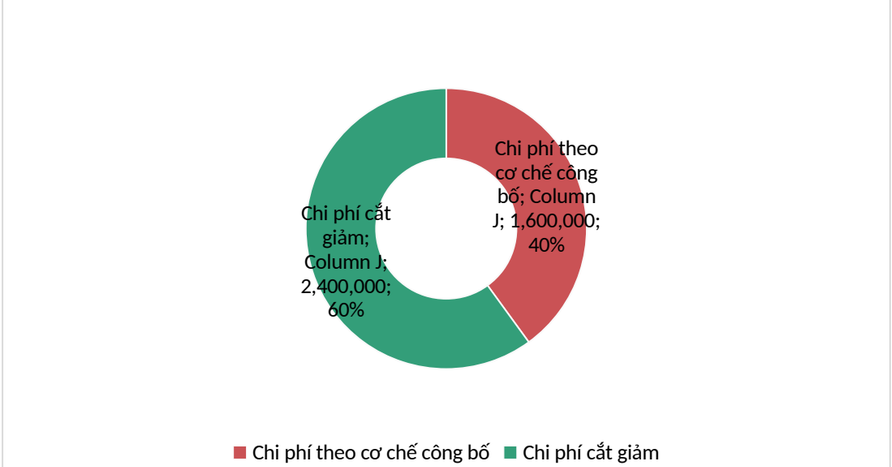
Chi tiết phân bổ các công đoạn là ước tính phục vụ tính toán theo mẫu; không phải kết quả khảo sát riêng từng hoạt động. Tổng chi phí từng thủ tục lấy đúng số liệu tại hồ sơ Luật.

Chi phí bảo đảm năng lực kỹ thuật (hiệu chuẩn, thử nghiệm, so sánh, bảo quản, sử dụng chuẩn) tiếp tục được duy trì và không được tính vào phần tiết kiệm TTHC.

IV. BIỂU ĐỒ CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC

Đơn vị tính: đồng/năm; dữ liệu liên kết trực tiếp với bảng chi phí tại phần III.





Nguồn: Bản đánh giá TTHC trong hồ sơ Luật (chi phí trước thay đổi); số liệu giả định của cơ quan chủ trì soạn thảo (chi phí sau thay đổi).